TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/LĐ-ST
Ngày 18/11/2019
V/v:*"Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Phan Văn Trình**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Nguyễn Công Chi** – Chức vụ: Cán bộ hưu trí

Bà **Huỳnh Thị Ánh Nguyệt**– Chức vụ: Chủ tịch Liên đoàn lao động quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản*: Bà **Chu Thị Phương Thùy -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- *Đại diện VKSND quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXX - ST ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐ – LĐST ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ** – sinh năm 1975; nơi cư trú: Thị trấn Lăng Cô, thôn Hải Vân, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc O – sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 19, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 6 năm 2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV T;** địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng; Đại diện theo pháp luật: Ông Kim S – Chức vụ: Giám đốc; trú tại: 6 Nangok-ro 74, Gwanak-gu, Seoul, Hàn Quốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng**; địa chỉ: Số 43 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Hiệp – Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hiền – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu (*Theo giấy ủy quyền số 1559/BHXH-QLT ngày 09.10.2019*). Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Lê Thị Kiều C** – sinh năm 1981, chức vụ: Phụ trách phòng Hành chính nhân sự Công ty TNHH MTV T ; trú tại: Trường Chinh, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc O trình bày:*

Bà Trần Thị Đạt vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 11 tháng 8 năm 2014 tổng thời gian làm việc là 3 năm, 11 tháng theo HĐLĐ không xác định thời hạn, số 14/2016/HĐLĐ ngày 16/9/2016 và Phụ lục HĐLĐ số 75/2018/PL, tiền lương là 3,966,000đ/tháng (Công nhân may)

Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông Kim S, quốc tịch Hàn Quốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T không có mặt tại trụ sở làm việc, không thực hiện các thỏa thuận về tiền lương và BHXH, BHYT cho bà Trần Thị Đạt theo HĐLĐ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Với nội dung đã trình bày, kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị Đạt, buộc Công ty TNHH MTV T phải:

1. Trả tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là **2,559,812** đ (Tiền lương tháng 6: **4,579,812** đ *(a)*, đã chuyển lần 1: **1,400,000** đ, lần 2: **620,000** đ) và tiền lương tháng 7 là **4,279,570** đ, số ngày công tháng 7 là **26** ngày, tiền lương thực tế tháng 7 là **4,279,570** đ *(b)*. Tổng tiền lương yêu cầu *(a+b)* là **6,839,382** đ.

2. Buộc Công ty trích nộp cho cơ quan BHXH là **22,320,055** đ mà Công ty không thực hiện theo quy định pháp luật BHXH trong thời gian làm việc.

TỔNG CỘNG: 29,159,437 đồng

** Bị đơn - Công ty TNHH MTV T (Đại diện theo pháp luật: Ông Kim S – Chức vụ: Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng – Đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Hiền trình bày:*

Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với tổng số tiền gốc là 20,278,737 đồng. Ngoài ra do Công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu tiền lãi từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 là 2,041,318 đồng. Tổng nợ gốc và lãi Công ty còn nợ là 22,320,055 đồng. Việc tính lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng là 15,8%/năm (1,317%/tháng); lãi

chậm đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng là 14,5%/năm (1,2084%/tháng).

Việc người lao động khởi kiện yêu cầu Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng. Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động nên Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng chỉ tính lãi chậm đóng đến tháng 7.2018, không tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử cũng như giai đoạn thi hành án sau này.

** Tại Bản tự khai ngày 01.9.2019 bà Lê Thị Kiều C trình bày:* Bảng chấm công từng người lao động tháng 7.2018 (từ ngày 01.7.2018-21.7.2018) là do bà cung cấp; các tài liệu này đều được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

** Đại diện VKSND quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đối với người tiến hành tố tụng và HĐXX chấp hành đúng theo các quy định của BLTTDS.

Về đương sự: Nguyên đơn chấp hành các quy định của pháp luật trong các phiên hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa. Riêng bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng: Bị đơn – Công ty TNHH MTV T được thành lập và hoạt động theo Luật Việt Nam. Hiện nay, đang có trụ sở tại: Đường số 6, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp về việc tiền lương cũng như bảo hiểm xã hội giữa Công ty và bà Trần Thị Đ. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Kim S đã xuất cảnh khỏi Việt Nam. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Kim S không có mặt tại Tòa án cũng như ủy quyền lại cho người khác để tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Bà Trần Thị Đạt vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 11 tháng 8 năm 2014 tổng thời gian làm việc là 3 năm, 11 tháng theo HĐLĐ không xác định thời hạn, số 14/2016/HĐLĐ ngày 16/9/2016 và Phụ lục HĐLĐ số 75/2018/PL, tiền lương là

3,966,000đ/tháng (Công nhân may). Do đó, hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Đ và Công ty ký kết là đúng theo quy định pháp luật, có hiệu lực pháp luật và thuộc loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương thỏa thuận bà Đ được hưởng trước khi Công ty chấm dứt hoạt động là: 3,966,000 đồng. Hình thức trả lương: 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Ngoài ra, còn được hưởng một số khoản phụ cấp gồm: phụ cấp kinh kỳ: 30,000 đồng, phụ cấp chuyên cần 300,000 đồng, phụ cấp nước uống: 150,000 đồng, phụ cấp xăng xe: 250,000 đồng. Tổng cộng 730,000 đồng.

Theo báo cáo số 19/2018-BC ngày 30.7.2018 của bà Lê Thị Kiều C và Công văn số 1099/BQL-KHTH ngày 31.7.2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng thì Công ty TNHH MTV T không còn hoạt động sản xuất từ ngày 21/7/2018 và ông Kim S đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 12/7/2018 và xác nhận về tài khoản lương do Công ty TNHH MTV TBO chi trả lương cho người lao động qua Ngân hàng BIDV cũng xác định không chuyển trả lương tháng 6, 7/2018 cho người lao động. Do đó, Công ty TNHH MTV TBO đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng lao động về chi trả tiền lương cho người lao động. Vì vậy, bà Trần Thị Đ yêu cầu các khoản tiền lương, cụ thể là: lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 2,559,812 đ và tiền lương tháng 7 là 4,279,570 đồng, tổng tiền lương yêu cầu là 6,839,382 đ là có cơ sở. Đồng thời, theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 cho bà Trần Thị Đ là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền 22,320,055 đ; trong đó tiền gốc: 20,278,737 và tiền lãi: 2,041,318 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng và nguyên đơn không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8.2018 nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là (6,839,382 đồng + 22,320,055đồng) x 3% = 29,159,437 đồng x 3 % = 874,783 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 47, Điều 90, Điều 96, Điều 186, Điều 201 của Bộ luật Lao động;

- Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội"* của bà Trần Thị Đ. Xử:

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Đ lương tháng 6 và tháng 7.2018 là 6,839,382 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty TNHH MTV TBO có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Đ tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với số tiền 22,320,055 đồng (trong đó gốc là 20,278,737 đồng và lãi là 2,041,318 đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 874,783 đồng Công ty TNHH MTV T phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Trình